

Bản án số: **32/2020/HS-ST**
Ngày: 08/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Ông Nguyễn Thế Căn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/HSST ngày 25/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/HSST-QĐ ngày 25/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST-QĐ, ngày 08/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Văn K**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 17/8/1988, tại M, Quảng Ninh.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu x, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hà Văn Đ, sinh năm: 1943; Con bà: Nguyễn Thị Ch, (đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1994; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 02/02/2020, bị Công an thành phố M xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo đầu thú ngày 01/12/2019, tạm giữ đến ngày 10/12/2019. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên Tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn xx, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Chị Lục Thị X, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

3. Chị Lục Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

5. Chị Vũ Thị Hương L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn xx, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

6. Anh Trần Xuân T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần 2).

7. Anh Lương Thành T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

8. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

Những người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ x, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Đức T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có việc làm ổn định, từ tháng 02/2019, K đã cho vay tiền với lãi suất cao mục đích để thu lợi bất chính. K truy cập vào trang Web:<http://ag.mecash.vn/calendar/Loan/> lập tài khoản “Phongan2013” với mật khẩu là “Trikien1987” và tài khoản “hoangninh3000” với mật khẩu “Sieunamec” để quản lý việc vay tiền rồi cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. K tự quy định với người vay về 02 hình thức cho vay tiền với mức lãi suất như sau:

- Hình thức thứ nhất (gọi là vay lãi năm): K tính lãi suất cho vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi vay thì người vay phải viết giấy vay nợ với số tiền vay. Trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) thì người vay phải trả đủ số tiền gốc và tiền lãi. Nếu hết thời hạn 30 ngày mà không trả được thì phải đóng tiền lãi và gia hạn thời hạn thêm 30 ngày. Như vậy, ở hình thức vay này lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng 0,5%/ngày, 15,2%/tháng, 182,5%/năm.

- Hình thức thứ hai (gọi là vay lãi trả góp hay còn gọi là hình thức bốc bát họ): K tính lãi suất cho vay là 3.300 đồng/1.000.000 đồng/ngày, người vay phải viết giấy vay nợ số tiền họ vay thực tế mà không ghi vào đó số tiền lãi. K thỏa thuận với người vay tiền trong 02 tháng (60 ngày) sẽ phải trả tiền gốc và tiền lãi theo từng ngày. Khi đến hết thời hạn thanh toán tiền gốc và tiền lãi mà người vay chưa trả hết tiền thì K sẽ không cho vay nữa mà đòi hết tiền gốc và tiền lãi. Như vậy, ở hình thức vay này lãi suất là 3.300 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng 0,33%/ngày, 10,1%/tháng, 121,6%/năm.

Khi cho khách hàng vay tiền, K yêu cầu khách hàng vay đặt lại một số loại giấy tờ như: Chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu ... để làm tin và người vay phải viết giấy thỏa thuận vay nợ tùy theo số tiền vay và hình thức vay.

Từ cuối tháng 8/2019, K thuê Hoàng Văn N (ĐKHKT: Khu x, phường H, thành phố M) với mức tiền lương 7.000.000 đồng/tháng để N giúp việc cho K trong quá trình cho vay. N có trách nhiệm đứng ra thu tiền lãi của khách hàng rồi chuyển lại cho K. K cho N biết mật khẩu rồi hướng dẫn N truy cập vào trang Web theo tài khoản mà K đã lập từ trước để hàng ngày N thu tiền của những người vay đưa cho K.

Cụ thể những người vay, số tiền vay, lãi suất và tiền thu lời bất chính theo hướng dẫn tại Công văn số 13/QUN3 ngày 08/01/2020, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh: Số tiền thu lời bất chính = số tiền lãi đã thu - [(số dư thực tế x 20% x số ngày vay thực tế)]/360. Cụ thể như sau:

1. Chị Phạm Thị Ng.

Ngày 21/02/2019, K cho chị Ng vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày. Hình thức lãi năm, thu lãi 1.500.000 đồng, tiếp đó ngày 09/4/2019, tiếp tục cho vay lần thứ hai số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 80 ngày (hình thức lãi năm), thu lãi 6.000.000 đồng. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 822.000đ, thu lợi bất chính tổng số tiền 6.678.000 đồng.

2. Chị Lục Thị X.

Ngày 21/02/2019, K cho chị X vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 200 ngày (hình thức lãi năm) thu lãi 10.000.000 đồng. Tháng 3/2019, tiếp tục cho vay lần thứ hai số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 206 ngày (hình thức lãi năm), thu lãi 8.500.000 đồng. Ngày 21/7/2019, cho vay tiền lần thứ ba số tiền 5.000.000 đồng trong thời hạn 60 ngày (hình thức trả góp), thu lãi 850.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị cáo được phép thu theo quy định cả 03 lần là 2.390.000đ. Do đó tổng số tiền bị cáo K đã thu lợi bất chính của chị X là: 16.960.000 đồng.

3. Chị Lục Thị L.

Ngày 01/3/2019, K cho chị L vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 190 ngày (hình thức lãi năm), thu tiền lãi là 19.000.000 đồng. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 2.082.000đ. Thu lợi bất chính 16.918.000 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị H.

Ngày 02/3/2019, K cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 45 ngày (hình thức lãi năm), thu lãi 2.250.000 đồng. Ngày 19/3/2019, tiếp tục

cho vay lần thứ hai số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày (hình thức trả góp), **thu lãi 3.350.000 đồng**. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 795.000đ. Thu lợi bất chính tổng 4.805.000 đồng.

5. Chị Vũ Thị Hương L.

Tháng 7/2019, K cho chị L vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 60 ngày (hình thức trả góp), **thu lãi 3.000.000 đồng**. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 493.000đ. Thu lợi bất chính 2.507.000 đồng.

6. Anh Trần Xuân T.

Ngày 18/9/2019, K cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 57 ngày (hình thức trả góp), **thu lãi 3.819.000 đồng**. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là 625.000đ. Thu lợi bất chính 3.194.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Hà Văn K đã thu lợi bất chính khi cho 06 người vay tiền với lãi suất cao từ 121,6%/năm trở lên là 51.062.000 đồng.

Ngày 20/11/2019, chị Lục Thị L (trú tại thôn x, xã H, thành phố M) đến Công an thành phố M trình báo vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 20/11/2019, gia đình chị bị kẻ gian đột cháy 01 cánh cửa nhựa lõi thép. Chị nghi ngờ cho đối tượng Hà Văn K đã thực hiện hành vi trên do trước đó chị có vay tiền của K nhưng chưa trả được nên giữa chị và K xảy ra mâu thuẫn.

Ngày 01/12/2019, Hà Văn K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M đầu thú, khai nhận hành vi cùng với Hoàng Văn N đã đột chiếc cửa nhựa của gia đình chị L, đồng thời giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng, 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Văn K thu giữ: 01 hộ chiếu số B5729856 mang tên Lục Thị X, 01 chứng minh thư nhân dân số 101122000 mang tên Trần Tấn D, 01 giấy mua bán xe mô tô.

Tiến hành việc kiểm tra hành chính đối với Hoàng Văn N đã thu giữ : 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - Dream II, BKS 14H8-2851; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, mặt sau bị vỡ; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và số tiền 1.800.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố M đã tiến hành thu giữ các dữ liệu điện tử liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong chiếc điện thoại Iphone XS Max màu trắng thu giữ của Hà Văn K và Iphone 7 Plus màu đen đã thu giữ của Hoàng Văn N như trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các chị L, X, Ng, H, L và anh T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra những người này có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo và tại đơn xin xử án vắng mặt đều có quan điểm: Do các anh chị chưa trả được tiền nợ gốc cho bị cáo nên đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo phải trả lại họ số tiền mà K đã thu lợi bất chính của họ để sau này các bên sẽ trừ vào tiền nợ gốc. Riêng chị L đã trả được nợ gốc cho K nên buộc K phải trả lại chị khoản tiền thu lợi bất chính.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Thành T có lời khai thể hiện: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Janus màu xanh BKS 15B7-7199 là

của anh mua lại của chị H hai bên có viết giấy tay vào tháng 6/2018. Khi mua xe của chị H thì K có đi cùng nên anh nhờ K giữ hộ giấy tờ xe, sau đó anh cho K mượn xe đi và vẫn chưa lấy giấy tờ xe lại. Nay anh nhận lại xe và không có yêu cầu gì về dân sự đối với K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N có lời khai về việc được K thuê để quản lý trang mạng và thu lãi cho K với số tiền công 7.000.000đ/tháng và việc cơ quan điều tra kiểm tra hành chính thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda - Dream II, BKS 14H8-2851; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, mặt sau bị vỡ; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và số tiền 1.800.000 đồng và đã tiến hành thu giữ các dữ liệu điện tử liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen đã thu giữ của N theo quy định. Anh đã nhận lại xe mô tô còn lại các tài sản khác đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định.

Người làm chứng anh Bùi Văn S có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Anh vay của bị cáo K số tiền 20.000.000đ, do quen biết nên ban đầu K thỏa thuận với anh tiền lãi là 3.000đ/1 triệu/01 ngày, tuy nhiên sau đó K bảo dùng số tiền đó để làm vốn góp hai bên kinh doanh chung nên K không lấy lãi nữa.

Người làm chứng Phạm Đức T có lời khai chứng kiến sự việc khoảng 02 giờ 30 phút ngày 20/11/2019 thì nghe tiếng chị Lục Thị L (mẹ đẻ của T) hô hoán cửa nhà bị cháy. Sau đó T cùng gia đình dập tắt lửa, sau này anh T biết nguyên nhân cháy là do N (làm thuê cho K) đốt quần áo trước cửa nhà gây cháy cửa nhựa nhà anh. Sự việc vay lãi giữa chị L và bị cáo K thì T không biết.

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-MC, ngày 24/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố Hà Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự với số tiền bị cáo thu lời bất chính là 51.062.000 đồng (*năm mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hà Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, xác định số tiền bị cáo thu lời bất chính là 51.062.000 đồng (*năm mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị với Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hà Văn K từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ đi 09 ngày tạm giam bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ); bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày đến 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Hà Văn K cho Ủy Ban nhân dân phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình

người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

- Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.
- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Văn K.
- Về phần dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đồng ý trả cho 06 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là 51.062.000 đồng (*năm mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).
- Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của bị cáo Hà Văn K số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 30.000.000đ; truy thu của bị cáo K số tiền lãi 7.205.000đ (*bảy triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng*); Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng thu giữ của Hà Văn K và 01 Iphone 7 Plus màu đen đã thu giữ của Hoàng Văn N.

Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho Hoàng Văn N 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và số tiền 1.800.000 đồng.

Tạm giữ số tiền 30.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M để đảm bảo việc thi hành án.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội, thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Trong lời nói sau cùng : Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì “*lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm...*”. Như vậy mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/1 năm.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay lãi với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN, ngày 29/9/2017 “Quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng” (đây cũng là căn cứ để cơ quan điều tra tính lãi suất) thì công thức tính lãi như sau:

Số tiền lãi đã thu x 365

$$\text{Lãi suất tính lãi (\%/1 năm)} = \frac{\text{Số tiền lãi đã thu} \times 365}{\text{Số dư thực tế (gốc) } \times \text{Số ngày vay thực tế}} \times 100\%$$

Như vậy lãi suất theo năm áp dụng theo công thức tính trên đã xác định mức lãi suất Kiên cho vay đối với lãi năm là 182,5%/năm, lãi trả góp là 121,6%/năm đều vượt quá 100% (gấp 5 lần lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự).

Số tiền thu lời bất chính (STTLBC) được tính như sau:

$$\text{STTLBC} = \text{Số tiền lãi đã nhận} - \frac{\text{Số nợ gốc} \times 20\% \times \text{Số ngày vay}}{365}$$

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 09/2019, Hà Văn K đã cho nhiều người vay với lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, thu lời bất chính với tổng số tiền là 51.062.000 đồng (*năm mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự , thực hiện hành vi do lỗi cố ý , mặc dù biết pháp luật nghiêm cấm việc cho vay lãi nặng (lãi suất > 100%/1 năm), nhưng vì lợi nhuận thu được lớn, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, thực hiện việc cho vay lãi nặng, thu lời bất chính số tiền 51.062.000 đồng (*năm mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Do không chịu khó lao động, dựa vào hoàn cảnh khó khăn của những người vay để trục lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lời bất chính số tiền

tương đối lớn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù bị cáo cho nhiều người vay lãi nặng nhưng không có trường hợp nào thu lời bất chính từ 30.000.000đ trở lên, do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 nhân thân bị xử phạt vi phạm hành chính ngày 02/02/2020 về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” do đó cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo thu lời bất chính là 51.062.000đ, bị cáo đã nộp 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M khắc phục hậu quả, số tiền đã nộp lớn hơn $\frac{1}{2}$ số tiền thu lời bất chính, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là Hà Văn Đ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy khung hình phạt đối với bị cáo từ phạt tiền 50.000.000đ đến 200.000.000đ và cao nhất là cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Xét thấy bị cáo không có công việc thu nhập ổn định nên đã được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền vì vậy cần áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Thời gian tạm giam của bị cáo Hà Văn K từ ngày 01/12/2019 đến ngày 10/12/2019 được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ.

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06 ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M đối với bị cáo Hà Văn K từ kể ngày 26/02/2020 đến ngày 10/4/2020 đã hết nên không đề cập.

[5] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng và xử lý vật chứng:

Tổng số tiền bị cáo thu lời bất chính là 51.062.000đ. Trong quá trình điều tra, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có nội dung trình bày đề nghị bị cáo hoàn trả số tiền thu lời bất chính để trừ vào nợ gốc chưa trả, bị cáo chấp nhận việc hoàn trả số tiền thu lời bất chính. Căn cứ vào Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự, cần ghi nhận sự thỏa thuận về việc hoàn trả số tiền thu lời bất chính của bị cáo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn K khai nhận số tiền gốc ban đầu bị cáo đưa vào kinh doanh cho vay lãi nặng là 30.000.000đ, sau khi thu được gốc, lãi, bị cáo tiếp tục sử dụng gốc, lãi thu được để cho vay. Như vậy số tiền trên được xác định là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng, do đó cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền lãi (mức lãi suất nhỏ hơn hoặc bằng 20%) là 7.205.000đ (*bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*), mặc dù đây là số tiền lãi được phép trong giao dịch dân sự, tuy nhiên lại có được do hành vi phạm tội vay lãi nặng của bị cáo, do đó cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ bị cáo, tuy nhiên họ đều trình bày là do chưa trả được nợ gốc nên đề nghị bị cáo hoàn trả tiền thu lời bất chính để sau này họ trừ vào nợ gốc, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Trong trường hợp những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hoàn trả, hoặc hoàn trả không đầy đủ số nợ gốc cho bị cáo, nếu phát sinh tranh chấp các bên có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus thu giữ của Hà Văn K; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của Hoàng Văn N không liên quan đến vụ án, do đó căn cứ vào điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho K và N 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng thu giữ của Hà Văn K và 01 Iphone 7 Plus màu đen đã thu giữ của Hoàng Văn N sử dụng để giao dịch trong việc cho vay lãi nặng, đây là công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

01 giấy mua bán xe mô tô giữa chị Bùi Thị H và anh Lương Thành T là giấy tờ anh T nhờ K giữ hộ, nay trả lại cho anh T.

[6] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Hình sự quy định; tại phiên Tòa bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Về án phí dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã đồng ý hoàn trả số tiền thu lời bất chính 51.062.000đ và tự nguyện nộp 30.000.000đ để khắc phục hậu quả, do đó căn cứ vào quy định tại điểm f, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí dân sự.

- Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo : Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

[9] Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị bản án theo quy định.

[10] Liên quan trong vụ án có Hoàng Văn N được bị cáo thuê quản lý trang mạng và đi thu tiền lãi, nhưng việc cho vay, thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay là do bị cáo thực hiện, do đó không có căn cứ để xử lý N với vai trò đồng phạm.

Ngoài ra Hà Văn K và Hoàng Văn N còn có hành vi “cố ý làm hư hỏng tài sản” của chị Lục Thị X nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an thành phố M đã tiến hành xử phạt hành chính nên không xét.

Đối với Phạm Thị L do không có mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được việc K cho L vay tiền, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên không đề cập.

Đối với 01 chứng minh thư nhân dân số 101122000 mang tên Trần Tấn D, hiện D vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên không đề cập.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Hà Văn K**, tên gọi khác: Không.

Phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 32; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hà Văn K** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2019 đến ngày 10/12/2019). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Hà Văn K cho Ủy Ban nhân dân phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình

người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

[2] Về phần dân sự, vật chứng và xử lý vật chứng:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 3, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, ghi nhận thỏa thuận về việc bị cáo Hà Văn K phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là 51.062.000đ (*năm mươi mốt triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), cụ thể:

- Trả cho chị Phạm Thị Ng số tiền: 6.678.000đ (*sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

- Trả cho chị Lục Thị X số tiền: 16.960.000đ (*mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Trả cho chị Lục Thị L số tiền: 16.918.000đ (*mười sáu triệu chín trăm mười tám nghìn đồng*).

- Trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền: 4.805.000đ (*bốn triệu tám trăm linh năm nghìn đồng*).

- Trả cho chị Vũ Thị Hương L số tiền: 2.507.000 (*hai triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng*).

- Trả cho anh Trần Xuân T số tiền: 3.194.000 (*ba triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải trả lại đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Hà Văn K phải nộp $30.000.000đ + 7.205.000đ = 37.205.000đ$ (*ba mươi bảy triệu hai trăm linh năm nghìn*) thu, nộp sung ngân sách nhà nước.

2.3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M theo Biên lai thu tiền số 0001442, ngày 27/02/2020 để đảm bảo thi hành án.

2.4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Hà Văn K 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus. Trả lại cho Hoàng Văn N 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và số tiền 1.800.000 đồng. Trả cho anh Lương Thành T 01 giấy mua bán xe mô tô giữa chị Bùi Thị H và anh Lương Thành T.

2.5. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2

Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng thu giữ của Hà Văn K và 01 Iphone 7 Plus màu đen đã thu giữ của Hoàng Văn N.

(Hiện trạng vật chứng được miêu tả theo Lệnh xuất kho vật chứng số 32 ngày 09/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M và biên bản giao nhận vật chứng số 57/2020/THA ngày 09/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

- Về án phí dân sự: Căn cứ điểm f, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hà Văn K không phải chịu án phí dân sự.

- Về án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hà Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bảo cho bị cáo Hà Văn K biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

[5] Về quyền kháng nghị: Căn cứ Điều 336, khoản 1 Điều 337 Bộ luật tố tụng Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

quan;

- *Sổ tư pháp tỉnh Quảng Ninh;*
- *Thi hành án HS+DS;*
- *Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.*

Vũ Thị Thanh Phương